

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội Xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;

2. Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1981;

Cư trú tại: Tổ 6, ấp T1, xã T2, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1980;

Cư trú tại: Tổ 6, ấp T1, xã T2, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và không hạnh phúc. Anh T thường xuyên bỏ nhà đi. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Đỗ Trí K, sinh ngày 01/02/2002 và Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007. Cháu K đã thành niên, trên 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống được bản thân, chị không yêu cầu giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T4, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị Trần Thị Đ về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn và nguyên nhân ly hôn là đúng, anh đồng ý ly hôn với chị Đồng.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Đ về con chung là đúng. Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Trí K, sinh ngày 01/02/2002 và Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007. Cháu K đã thành niên, trên 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống được bản thân, anh không yêu cầu giải quyết. Anh đồng ý giao cháu T4 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội Đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội Đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Cháu Đỗ Trí K, sinh ngày 01/02/2002 đã thành niên, trên 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007 cho chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị Đ và anh T không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, nay chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T, Hội Đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T thống nhất có 02 con chung tên Đỗ Trí K, sinh ngày 01/02/2002 và Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007. Cháu K đã thành niên (trên 18 tuổi), có khả năng lao động nuôi sống được bản thân, chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T không yêu cầu giải quyết, nên cần ghi nhận.

Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T thống nhất giao cháu Đỗ Thu T4 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T4 có nguyện vọng sống với chị Đ nên Hội Đồng xét xử ghi nhận. Ghi nhận chị Trần Thị Đ không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Trần Thị Đ cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Anh Đỗ Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) Đán phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T có 02 con chung tên Đỗ Trí K, sinh ngày 01/02/2002 và Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007. Cháu K đã thành niên trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống được bản thân, chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao chị Trần Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đỗ Thu T4, sinh ngày 27/11/2007. Ghi nhận chị Trần Thị Đ không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Đỗ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Trần Thị Đ cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở. Anh Đỗ Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) Đ theo biên lai số 0004882 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị Trần Thị Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (Ng).

**TM. HỘI ĐXÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Nguyên